**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:81/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-10-2018
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

# NHÂN DANH

# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

# TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Hồng Phương

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Võ Văn Minh

Bà Võ Thị Mai

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Hoàng Nhân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre*** *tham gia phiên toà:*

Bà Trần Thị Kim Ngân -Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 372/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Đào Trúc P, sinh năm: 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 7, xã Q, huyện C, tỉnh BT.

- *Bị đơn:* Trần Hữu T, sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 8, xã LT, huyện BĐ, tỉnh BT.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn đề ngày 17/4/2018 và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn chị Đào Trúc P trình bày:

Chị và anh Trần Hữu T chung sống năm 2008, đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh BT. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh T đi làm ăn xa không về nhà. Chị và anh T ly thân từ năm 2010 đến nay, cả hai sống riêng không có hàn gắn lại tình cảm. Quá trình chung sống chị với anh T có với nhau 01 con chung Trần Hữu T, sinh ngày: 01/02/2009 chị đang nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Đào Trúc P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Trần Hữu T.

- Về con chung: Chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

-Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, chị P vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

*Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 24/7/2018, bị đơn anh Trần Hữu T trình bày:

Anh đồng ý ly hôn với chị Đào Trúc P. Về con chung anh đồng ý để chị P được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trần Hữu T, sinh ngày: 01/02/2009, không cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung: Không có. Anh yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt anh.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho

đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Thẩm phán vẫn còn vi phạm là gởi Thông báo thụ lý vụ án cho đương sự và Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại chưa đúng thời gian quy định tại khoản 1 Điều 196 của Bộ luật tố tụng dân sự cần rút kinh nghiệm trong thời gian tới. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Riêng bị đơn anh T có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị P và anh T. Chị P được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Ghi nhận chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Chị P, anh T khai thống nhất không có nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

Anh Trần Hữu T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 24/7/2018. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[**2] Về nội dung vụ án:**

**[2.1] Về quan hệ hôn nhân:**

Chị Đào Trúc P và anh Trần Hữu T chung sống năm 2008, đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh BT, phù hợp quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cả hai chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị P trình bày là do bất đồng quan điểm, anh T đi làm ăn xa không về nhà và cả hai ly thân từ năm 2010 đến nay, mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau, không hàn gắn lại tình cảm. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị P và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị P yêu cầu được ly hôn với anh T và tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 24/7/2018, anh T đồng ý ly hôn với chị P. Căn cứ quy định Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị P và anh T là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

**[2.2] Về con chung:**

Chị P và anh T khai thống nhất cả hai chung sống có với nhau 01 con chung tên Trần Hữu T, sinh ngày: 01/02/2009, chị P đang nuôi dưỡng. Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 24/7/2018, anh T đồng ý để chị P được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi dưỡng con chung giữa chị P và anh T phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung Hữu T trên 07 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Chị P nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của chị P nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét giải quyết là phù hợp.

**[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:** Chị P và anh T khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

**[2.4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ

phí Tòa án. Chị P và anh T mỗi người phải chịu theo luật định là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đào Trúc P và anh Trần Hữu T.

2. Về con chung: Chị Đào Trúc P được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trần Hữu T, sinh ngày: 01/02/2009. Ghi nhận chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời gian con chung của chị P và anh T chưa thành niên, chị P có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Anh T không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3.Tài sản chung, nợ chung: Chị Đào Trúc P và anh Trần Hữu T khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Đào Trúc P phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0018094 ngày 11/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, chị P được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Trần Hữu T phải chịu là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Chị Đào Trúc P có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Trần Hữu T vắng mặt tại phiên Tòa cũng có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***
-TAND tỉnh Bến Tre;
(Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA)
-VKSND huyện Bình Đại;
-Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
-UBND xã Quới Sơn, huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre (Quyển số 01/2009);
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

**Nguyễn Hồng Phương**